

DANH SÁCH SINH VIÊN NĂM 4
NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2011-2012 - KHOA
GDTH

(Danh sách kèm theo Quyết định số
...../QĐ-ĐHSP ngày
...../...../2012)

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Điểm BH	Xếp loại	Mức học bổng	Số tiền
1	K33	Nguyễn Thị Yên	19.7.76	80	240.120		
		.901	Yên	9.8	000	0.00	
		.091	Thị	9	0		
2	K34	Lê Đức Trọng	08.8.92	97	300.150		
		.901	Thị Trọng	03.	000	0.00	
		.020	Thù	90	0		
3	K34	Nguyễn Gia	24.7.76	90	240.120		
		.901	Yên u	02.	000	0.00	
		.022	Thị	90	0		
			Ngọc				
4	K34	Mai Hà	10.7.92	90	240.120		
		.901	Thị	10.	000	0.00	
		.031	Thú	90	0		
5	K34	Trần Hiền	29.8.68	95	300.150		
		.901	n n	12.	000	0.00	
		.037	Thị	90	0		
			Ngọc				
6	K34	Đặng Hiền	07.7.76	88	240.120		
		.901	g n	10.	000	0.00	
		.038	Thị	85	0		
			Diệu				
7	K34	Trần Hoa	14.7.96	87	240.120		
		.901	n	6.9	000	0.00	
		.040	Mỹ	0	0		
			Huyền				
8	K34	Võ Nhi	04.8.56	98	300.150		
		.901	Thị	02.	000	0.00	
		.065	Như	89	0		
9	K34	Nguyễn Quyên	08.8.08	83	300.150		
		.901	Yên ên	09.	000	0.00	

	.073Thị	89		0
	Cầ			
	m			
10	K34Hồ Thả	09. 7.7694	240. 120	
	.901Thị o	08.	000 0.00	
	.085Phư	90	0	
	ơng			
11	K34Ngu Anh	29. 8.8897	300. 150	
	.901yễn	12.	000 0.00	
	.007Thị	89	0	
	Vân			
12	K34Đặng Hân	04. 9.3299	360. 180	
	.901g N	11.	000 0.00	
	.023gọc	88	0	
13	K34Cao Hân	05. 7.9685	240. 120	
	.901Thị g	05.	000 0.00	
	.025Thú	90	0	
	y			
14	K34Lê Hư	29. 8.1291	300. 150	
	.901Thị ơng	03.	000 0.00	
	.043Thu	90	0	
15	K34Ngu Hư	09. 8.0497	300. 150	
	.901yễn ơng	12.	000 0.00	
	.044Thị	89	0	
	Tha			
	nh			
16	K34Vũ Kiề	06. 8.0491	300. 150	
	.901Thị u	06.	000 0.00	
	.047	89	0	
17	K34Đặng Liê	20. 8.2489	300. 150	
	.901g n	09.	000 0.00	
	.049Thị	90	0	
18	K34Hồ Ngâ	26. 7.7688	240. 120	
	.901Thị n	11	000 0.00	
	.057Thủ	2.8	0	
	y	8		
19	K34Đặng Tha	04. 9.0410	360. 180	
	.901g nh	01. 0	000 0.00	
	.082Thị	90	0	
	Mai			
20	K34Bùi Trin	05. 8.0010	300. 150	
	.901Thị h	12. 0	000 0.00	
	.102Tuy	90	0	
	ết			
21	K34Ngu Vy	05. 8.4497	300. 150	
	.901yễn	06.	000 0.00	
	.112Thị	90	0	
	Thả			
	o			